

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DSST

Ngày: 28/07/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê V T**.

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trần Thị Hạnh Nhung* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Phạm Thị Cúc* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/07/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2022/QĐST-DS ngày 14/06/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần T H**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: 370/7B Cách Mạng Tháng Tám, phường B H N, quận B T, thành phố C T.

* Bị đơn:

1. Ông **Huỳnh V T**. (Vắng mặt)

2. Bà **Từ T K T (Từ K T)**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 232/1 khu vực Yên Thạnh, phường T T, quận C R, thành phố C T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH MTV SX XD TM DV T Đ**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 232/1 khu vực Yên Thạnh, phường T T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày:*

Bà và các bị đơn là bạn bè với nhau nên vào ngày 19/03/2020 trong lúc khó khăn vợ chồng ông T có hỏi mượn số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và có thể chấp một chiếc xe 5 chỗ biển số 65A- 132.20, sau đó ông T thuê lại xe và không trả lại.

Đến ngày 07/01/2021, vợ chồng ông T tiếp tục mượn số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 695434 tại quận C R, cam kết trong vòng 03 tháng sẽ trả lại.

Tiếp đến, vào ngày 25/04/2021 các bị đơn mượn thêm số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu CB695434 và cam kết sau hai tháng nữa sẽ thanh toán trả toàn bộ nợ gốc cho bà.

Sau hai tháng, bà đã liên hệ với bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn trốn tránh không thực hiện việc trả nợ gốc cũng như nợ lãi. Nay thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Sau khi bị đơn thực hiện trả tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn đồng ý trả hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Đối với các bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Do phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không thể tiến hòa giải tiếp được mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, đồng ý trả hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đang giữ cho bị đơn tại giai đoạn thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký,... và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau: áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Huỳnh V T, bà Từ T K T (Từ K T) trả số tiền đã vay tổng cộng 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) cho nguyên đơn bà Nguyễn T H và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện trả hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đang giữ cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) theo các biên nhận nợ mà bị đơn đã ký. Trong quá trình cho vay, bị đơn không thực hiện trả nợ như cam kết, khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, tranh chấp giữa các

đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Mặc khác, bị đơn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục*: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục công bố, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T, bà T phải thanh toán số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền đã ký. Cơ sở để nguyên đơn yêu cầu là biên nhận ngày 19/03/2020, biên nhận vay nợ ngày 07/01/2021, biên nhận mượn tiền ngày 25/04/2021 và giấy cam kết không đề ngày tháng năm tuy không được công chứng nhưng có chữ ký của bị đơn và có đóng mộc dấu của Công ty TNHH MTV SX XD TM DV T Đ.

Tại nội dung của các biên nhận nêu trên thể hiện số tiền vay và thực hiện việc trả tiền lãi... Ngoài ra, phía ông T còn viết tờ cam kết để trả lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định từ khi cho vay bị đơn không thực hiện việc đóng lãi cũng như trả nợ gốc, nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì đã thông báo trên phương tiện báo đài để yêu cầu bị đơn liên hệ với Tòa án để giải quyết quan hệ tranh chấp nhưng bị đơn vẫn không đến. Sau quá trình thụ lý, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T, ông T nhiều lần để cho ông, bà có ý kiến trình bày về khoản nợ vay này để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ông, bà nhưng ông, bà vẫn không tham gia hòa giải, xét xử cũng như nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình về khoản nợ này. Điều đó cho thấy bà T, ông T tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do bà T, ông T là người trực tiếp ký giấy mượn tiền nên ông, bà phải là người có nghĩa vụ đối với số tiền nợ đã ký nhận. Vì vậy, cần tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) cho nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn có thể chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB751470, số vào sổ cấp giấy CH04549 do Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T cấp cho ông Võ H H vào ngày 22/10/2015 và số CB695434, số vào sổ cấp giấy CH04291 do Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T cấp cho ông Huỳnh V T vào ngày 19/8/2015 thì hiện nay nguyên đơn đang giữ, nguyên đơn đồng ý tự nguyện trả bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này tại giai đoạn thi hành án nên ghi nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Huỳnh V T, bà Từ T K T (Từ K T) có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Trần T H số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) và nguyên đơn bà Trần T H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chưa thanh toán.

Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn tại giai đoạn thi hành án gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB751470; số vào sổ cấp GCN: CH04549; thửa đất số 169; tờ bản đồ số 1; Địa chỉ: khu vực Yên Thạnh, phường T T, quận C R, thành phố C T do Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T cấp cho ông Võ H H vào ngày 22/10/2015 và số CB695434; số vào sổ cấp GCN: CH04291; thửa đất số 167; tờ bản đồ số 1; Địa chỉ: khu vực Yên Thạnh, phường T T, quận C R, thành phố C T do Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T cấp cho ông Huỳnh V T vào ngày 19/8/2015.

Trong trường hợp nguyên đơn không thực hiện trả hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì chủ sử dụng quyền sử đất có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp lại bản chính giấy chứng nhận mới theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng). Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí trước đó.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:

- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GÁM